

CÔNG TY TNHH TMSX AERMEC HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMSX AERMEC HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AERMEC HA NOI TMSX COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109993476

3. Ngày thành lập: 12/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 75 ngõ 373 Đường Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0582 170573

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đấu giá)	4543

13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý (không bao gồm hoạt động đấu giá), môi giới hàng hóa	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Bán buôn đồ uống (trừ đồ uống có cồn)	4633
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ kinh doanh dược phẩm, máy móc, thiết bị y tế)	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ máy móc, thiết bị y tế)	4659
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng, vàng nguyên liệu).	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
27.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
28.	Trồng cây hàng năm khác	0119
29.	Trồng cây ăn quả	0121
30.	Trồng cây lâu năm khác	0129
31.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
32.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
33.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
34.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
35.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
36.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
37.	Khai thác gỗ	0220
38.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231

39.	Thu nhập lâm sản khác trừ gỗ	0232
40.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
41.	Khai thác quặng sắt	0710
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Trừ loại nhà nước cấm)	8299
43.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
44.	Lập trình máy vi tính	6201
45.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
46.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
47.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
48.	Cổng thông tin (loại trừ hoạt động báo chí)	6312
49.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; (trừ dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí).	6399
50.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
51.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Quản lý chi phí đầu tư xây dựng Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng	7020

52.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: -Khảo sát xây dựng -Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng -Thiết kế kiến trúc công trình: -Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; -Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; -Thiết kế xây dựng công trình giao thông; -Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; -Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều) Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Định giá xây dựng Lập thiết kế quy hoạch xây dựng Tư vấn giám sát	7110
53.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định xây dựng;	7120
54.	Quảng cáo (trừ loại nhà nước cấm)	7310
55.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế xây dựng công trình)	7410
56.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
57.	Cho thuê xe có động cơ	7710
58.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)

59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
60.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
61.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
62.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
63.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
64.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
65.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
66.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
67.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
68.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
69.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
70.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
71.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
72.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
73.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
74.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
75.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
76.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
77.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
78.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
79.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
80.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
81.	In ấn (trừ loại nhà nước cấm)	1811
82.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rập khuôn tem)	1812
83.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
84.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
85.	Đúc sắt, thép	2431
86.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
87.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
88.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
89.	Sản xuất linh kiện điện tử Chi tiết: Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện ứng dụng điện tử khác.	2610
90.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740

91.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
92.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
93.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
94.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
95.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
96.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
97.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
98.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
99.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
100.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
101.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
102.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
103.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi).	5210
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
105.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224
106.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ kinh doanh bến ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển).	5225
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)	5229
108.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
109.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
110.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
111.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (trừ chương trình thời sự, chính trị).	5911
112.	Hoạt động hậu kỳ (Không gồm thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ phim trường và sân khấu)	5912

113.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ xuất bản âm nhạc)	5920
114.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
115.	Cung ứng lao động tạm thời (trừ cho thuê lại lao động)	7820
116.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
117.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
118.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
119.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
120.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
121.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
122.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
123.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
124.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
125.	Xây dựng nhà để ở	4101
126.	Xây dựng nhà không để ở	4102
127.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
128.	Xây dựng công trình điện	4221
129.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
130.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
131.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
132.	Xây dựng công trình thủy	4291
133.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
134.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
135.	Phá dỡ	4311
136.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
137.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
138.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
139.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
140.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
141.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
142.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
143.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

144.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
145.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
146.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
147.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN CÔNG QUYẾT Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/11/1972 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 023238307

Ngày cấp: 11/10/2011 Nơi cấp: Công an thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 7/35 đường 385 KP6, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 7/35 đường 385 KP6, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN CÔNG QUYẾT Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 26/11/1972 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 023238307

Ngày cấp: 11/10/2011 Nơi cấp: Công an thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 7/35 đường 385 KP6, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 7/35 đường 385 KP6, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội